

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
Quý IV năm 2010

Hà Nội, tháng 01 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,175,049,830,205	2,018,957,647,049
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	445,849,668,315	599,782,460,608
1	Tiền	111		63,026,334,982	34,782,460,608
2	Các khoản tương đương tiền	112		382,823,333,333	565,000,000,000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	705,937,037,105	617,500,000,000
1	Đầu tư ngắn hạn	121		705,937,037,105	617,500,000,000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		241,803,884,703	582,896,129,299
1	Phải thu của khách hàng	131		114,678,511	2,882,442,950
2	Trả trước cho người bán	132		2,585,348,850	4,229,613,236
3	Phải thu nội bộ	133		-	536,751,067,487
4	Các khoản phải thu khác	135		239,103,857,342	39,033,005,626
IV.	Hàng tồn kho	140		211,331,238	3,253,963,551
1	Hàng tồn kho	141		211,331,238	3,253,963,551
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		781,247,908,844	215,525,093,591
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,615,438,784	2,170,348,759
2	Thuê GTGT được khấu trừ	152		61,453,990,631	49,835,302,774
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		9,332,836,957	13,456,659,605
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		708,845,642,472	150,062,782,453
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3,335,999,659,179	2,796,583,209,376
I.	Tài sản cố định	220		388,780,855,824	469,926,980,223
1	Tài sản cố định hữu hình	221	9	202,377,318,517	219,724,305,405
	Nguyên giá	222		263,670,035,943	263,777,758,058
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(61,292,717,426)	(44,053,452,653)
2	Tài sản cố định vô hình	227	7	28,536,952,452	23,004,605,655
	Nguyên giá	228		63,277,746,229	49,039,074,229
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(34,740,793,777)	(26,034,468,574)
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	157,866,584,855	227,198,069,163
II.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2,932,644,470,748	2,307,158,356,185
1	Đầu tư vào công ty con	251	10	1,692,033,691,260	1,446,290,980,000
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	640,671,420,000	375,500,000,000
3	Đầu tư dài hạn khác	258	12	619,315,583,222	553,888,966,270
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(19,376,223,734)	(68,521,590,085)
III.	Tài sản dài hạn khác	260		14,574,332,607	19,497,872,968
1	Chi phí trả trước dài hạn	261		14,563,706,607	19,436,603,968
2	Tài sản dài hạn khác	268		10,626,000	61,269,000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5,511,049,489,384	4,815,540,856,425

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		2,718,232,277,418	2,176,568,297,220
I. Nợ ngắn hạn	310		916,537,512,843	374,948,412,645
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	13	630,592,980,257	244,035,815,803
2 Phải trả cho người bán	312		12,091,837,612	18,209,489,292
3 Người mua trả tiền trước	313		10,053,372,106	9,960,708,106
4 Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	14	511,781,596	30,805,908,828
5 Phải trả công nhân viên	315		3,226,679,517	834,032,199
6 Chi phí phải trả	316	15	43,625,522,001	37,173,525,720
7 Phải trả nội bộ	317		132,126,641,291	502,413,551
8 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	71,143,192,968	29,708,200,780
9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		13,165,505,495	3,718,318,366
II. Nợ dài hạn	330		1,801,694,764,575	1,801,619,884,575
1 Phải trả dài hạn khác	333		1,694,764,575	1,619,884,575
2 Vay và nợ dài hạn	334	17	1,800,000,000,000	1,800,000,000,000
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,792,817,211,966	2,638,972,559,205
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	2,792,817,211,966	2,638,972,559,205
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,934,805,170,000	1,438,319,670,000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		54,851,281,360	54,851,281,360
3 Cổ phiếu quỹ	414		(692,150,000)	(2,805,550,000)
4 Quỹ dự trữ bổ sung vốn ĐL & đầu tư phát triển	417		103,009,261	103,009,261
5 Quỹ dự phòng tài chính	418		87,203,093,024	87,203,093,024
6 Lợi nhuận chưa phân phối	420		716,546,808,321	1,061,301,055,560
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	600		5,511,049,489,384	4,815,540,856,425

 Nguyễn Thành Nam
 Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 01 năm 2011

 Nguyễn Thế Phương
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ IV		Lũy Kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm 2010	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		92,930,238,216	121,725,068,423	278,861,784,462	5,741,050,911,569
2	Các khoản giảm trừ	02		67,525,485	-	67,525,485	864,363
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	92,862,712,731	121,725,068,423	278,794,258,977	5,741,050,047,206
4	Giá vốn hàng bán	11	20	68,093,385,446	81,720,795,546	199,456,981,620	5,535,414,077,371
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24,769,327,285	40,004,272,877	79,337,277,357	205,635,969,835
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	189,169,655,847	518,981,715,060	605,723,796,057	1,017,165,210,344
7	Chi phí tài chính	22	22	50,869,075,583	44,741,864,311	171,813,807,976	156,996,978,124
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		40,196,957,809	41,403,662,253	172,839,508,868	116,849,502,061
8	Chi phí bán hàng	24		18,388,213,642	1,530,185,210	23,467,796,875	20,151,374,515
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		52,551,684,686	35,265,404,295	135,276,388,629	142,189,676,825
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		92,130,009,221	477,448,534,121	354,503,079,934	903,463,150,715
11	Thu nhập khác	31		1,352,063,179	12,692,500,363	1,736,518,855	36,496,606,385
12	Chi phí khác	32		1,670,724,977	11,773,310,678	2,756,547,912	25,770,707,573
13	Lợi nhuận khác	40	23	(318,661,798)	919,189,685	(1,020,029,057)	10,725,898,812
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		91,811,347,423	478,367,723,806	353,483,050,877	914,189,049,527
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	-	53,882,741,213	14,214,061,013	76,508,758,777
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	24	-	9,563,992,513	-	10,879,177,926
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		91,811,347,423	414,920,990,080	339,268,989,864	826,801,112,824

Nguyễn Thành Nam
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thế Phương
Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 01 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	353,483,050,877	914,189,049,527
2	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		(428,221,947,117)	(882,739,020,050)
-	Khấu hao tài sản cố định	02	28,925,636,642	27,971,192,520
-	Các khoản dự phòng	03	(49,145,366,351)	(53,711,506)
-	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(959,152,911)	(4,598,510,952)
-	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(579,882,573,365)	(1,022,907,492,173)
-	Chi phí lãi vay	06	172,839,508,868	116,849,502,061
	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>			
3	<i>vốn lưu động</i>	08	(74,738,896,240)	31,450,029,477
-	(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	454,599,851,349	1,137,430,292,283
-	(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	3,042,632,313	113,435,950,562
-	Tăng (giảm) các khoản phải trả (ko kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	182,410,335,150	(522,580,756,727)
-	Tăng (giảm) chi phí trả trước	12	5,427,807,336	(15,151,684,173)
-	Tiền lãi vay đã trả	13	(179,716,935,351)	(45,843,545,527)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(52,391,851,031)	(122,120,057,772)
-	Tiền thu/chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	147,162,218,026	(230,697,075,477)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	485,795,161,552	345,923,152,646
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(138,748,542,276)	(207,466,474,268)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	733,427,821	30,810,581,611
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4,558,580,071,329)	(1,272,258,785,000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4,845,314,147,994	150,000,000,000
5	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(1,513,235,630,690)	(267,553,500,000)
6	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	17,500,000,000
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	510,448,537,949	714,997,190,877
	<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</i>	30	(854,068,130,531)	(833,970,986,780)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	18,146,090,000	26,698,930,000
2	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	2,113,400,000	(974,050,000)
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1,711,604,765,134	4,429,834,879,390
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,324,763,396,473)	(3,618,548,546,357)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(192,760,681,975)	(356,412,246,600)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	214,340,176,686	480,598,966,433
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ	50	(153,932,792,293)	(7,448,867,701)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	599,782,460,608	607,231,328,309
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm/kỳ	70	445,849,668,315	599,782,460,608

Nguyễn Thành Nam
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thế Phương
Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 01 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

89 Láng Hạ, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần FPT ban đầu là một công ty nhà nước được thành lập tại Việt Nam và sau này được cổ phần hóa theo Quyết định số 178/QĐ-TTg và chính thức trở thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần FPT hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/05/2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Tại ngày 31/12/2010, Công ty Cổ phần FPT có 11 công ty con như sau:

- Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT;
- Công ty Cổ phần Thương mại FPT;
- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT;
- Công ty Cổ phần Phần mềm FPT;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Tin học FPT;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Truyền thông Giải trí FPT;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giáo dục FPT;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển Khu công nghệ cao Hoà Lạc FPT;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bất động sản FPT;
- Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT;
- Công ty Cổ phần Đô thị FPT Đà Nẵng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 12 năm 2008, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT thành Công ty Cổ phần FPT.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 8 tháng 7 năm 2010, tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần FPT tăng từ 1.438.319.670.000 VND lên 1.934.805.170.000 VND.

Từ tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty Cổ phần FPT được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 149 người (31 tháng 12 năm 2009 là 187 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các sản phẩm và dịch vụ thông tin, viễn thông, đầu tư và các dịch vụ khác. Các sản phẩm và dịch vụ thông tin chủ yếu bao gồm: tích hợp hệ thống; sản xuất và cung cấp dịch vụ phần mềm; các dịch vụ ERP; phân phối sản phẩm công nghệ thông tin; phân phối điện thoại di động; dịch vụ giải pháp phần mềm; các dịch vụ viễn thông và internet; đào tạo; lắp ráp máy tính; bảo hành và bảo trì thiết bị công nghệ thông tin và thiết bị viễn thông và các dịch vụ viễn thông khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty đã được dịch sang Tiếng Anh từ bản báo cáo tài chính phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ Tiếng Việt.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Công ty quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng theo VAS 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định cho việc ghi nhận giá trị các tài sản, công nợ và việc trình bày các khoản tài sản, công nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các khoản mục doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho của Công ty được xác định theo phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO), phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

**Cho kỳ từ ngày 01/01/2010
đến ngày 31/12/2010
(Số năm)**

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 25
Phương tiện vận tải	4 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản khác	2 - 3

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại 153 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất là vô thời hạn và không được trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này là một bộ phận tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê; chi phí thuê văn phòng, công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí tân trang văn phòng.

Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, các thiết bị loại nhỏ và các chi phí tân trang văn phòng được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ dần vào chi phí trong vòng từ hai đến ba năm.

Các quỹ

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được lập hàng năm bằng cách phân bổ lợi nhuận sau thuế. Từ năm 2006, theo các điều khoản và điều kiện quy định trong Điều lệ Công ty sửa đổi, Công ty không tiếp tục trích lập Quỹ đầu tư và phát triển.

Quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, xây dựng cơ bản, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc. Khi quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng cho các mục đích này, giá trị đã sử dụng được kết chuyển sang vốn.

(ii) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được lập hàng năm bằng cách phân bổ 5% lợi nhuận thuần sau thuế cho đến khi số dư quỹ tương đương với 10% vốn điều lệ.

(iii) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được lập hàng năm bằng cách phân bổ không quá 10% lợi nhuận thuần sau thuế.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty con, công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính và sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự tính thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	165,370,897	1,145,258,233
Tiền gửi ngân hàng	62,860,964,085	33,637,202,375
Các khoản tương đương tiền (i)	382,823,333,333	565,000,000,000
	<u>445,849,668,315</u>	<u>599,782,460,608</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho Công ty con vay có thời hạn không quá 3 tháng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay, ủy thác đầu tư ngắn hạn với thời hạn dưới 1 năm.

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu năm	9,114,336,000	39,924,738,229	49,039,074,229
- Mua trong kỳ	-	14,238,672,000	14,238,672,000
Số dư cuối quý này	<u>9,114,336,000</u>	<u>54,163,410,229</u>	<u>63,277,746,229</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm		(26,034,468,574)	(26,034,468,574)
- Khấu hao trong kỳ		(8,706,325,203)	(8,706,325,203)
Số dư cuối quý này	-	<u>(34,740,793,777)</u>	<u>(34,740,793,777)</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
- Tại ngày đầu năm	<u>9,114,336,000</u>	<u>13,890,269,655</u>	<u>23,004,605,655</u>
- Tại ngày cuối quý	<u>9,114,336,000</u>	<u>19,422,616,452</u>	<u>28,536,952,452</u>

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại 153 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất vô thời hạn và không được trích khấu hao.

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Tòa nhà FPT tại 89 Láng Hạ, Hà Nội	63,898,636,105	14,393,543,491
Dự án Khu công nghệ cao T.P HCM	93,967,948,750	26,777,715,110
Dự án FPT City tại Đà Nẵng	-	181,749,048,367
Khác	-	4,277,762,195
	<u>157,866,584,855</u>	<u>227,198,069,163</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
<i>Số dư đầu năm</i>	186,172,865,830	39,099,752,366	2,187,572,760	35,819,727,029	497,840,073	263,777,758,058
- Mua trong kỳ	-	948,648,081	-	2,444,594,932	89,597,045	3,482,840,058
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	5,874,711,301	-	-	-	5,874,711,301
- Thanh lý, nhượng bán	-	16,153,365	8,480,000	3,452,202,578	76,606,851	3,553,442,794
- Giảm khác	5,911,830,680	-	-	-	-	5,911,830,680
<i>Số dư cuối quý</i>	180,261,035,150	45,906,958,383	2,179,092,760	34,812,119,383	510,830,267	263,670,035,943
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	(8,767,508,010)	(8,657,607,604)	(1,473,264,743)	(24,748,974,488)	(406,097,808)	(44,053,452,653)
- Khấu hao trong kỳ	(8,681,843,259)	(4,738,028,574)	(120,728,112)	(6,614,067,134)	(64,644,360)	(20,219,311,439)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(6,999,791)	(8,480,000)	(2,889,451,681)	(75,115,194)	(2,980,046,666)
<i>Số dư cuối quý</i>	(17,449,351,269)	(13,388,636,387)	(1,585,512,855)	(28,473,589,941)	(395,626,974)	(61,292,717,426)
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
- Tại ngày đầu năm	177,405,357,820	30,442,144,762	714,308,017	11,070,752,541	91,742,265	219,724,305,405
- Tại ngày cuối quý	162,811,683,881	32,518,321,996	593,579,905	6,338,529,442	115,203,293	202,377,318,517

Nguyên giá của tài sản bao gồm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty tại ngày 30/09/2010 với giá trị là 22.973.781.016 VND (tại ngày 31/12/2009 là 13.766.965.261 VND).

Một số tầng của tòa nhà FPT Phạm Hùng, tòa nhà 153 Nguyễn Đình Chiểu đang được các công ty con thuê, sử dụng làm văn phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Chi tiết thông tin về các công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2010 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT	101 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	92.26%	92.26%	Cung cấp các giải pháp CNTT và tích hợp hệ thống
Công ty Cổ phần Phần mềm FPT	Tầng 6-12 Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	66.07%	66.07%	Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm phần mềm
Công ty Cổ phần Thương mại FPT	Tòa nhà Viglacera, 1 Láng Hòa Lạc, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội	91,79%	91,79%	Phân phối các linh kiện CNTT và điện thoại di động, chế tạo máy tính
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (i)	48 Vạn Bảo, Ba Đình, Hà Nội	41.62%	41.62%	Cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, quảng cáo trực tuyến, trò chơi trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác
Công ty TNHH Giáo dục FPT	Tòa nhà Detech, 15B Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100.00%	100.00%	Cung cấp dịch vụ đào tạo và công nghệ
Công ty Cổ phần Đô thị FPT Đà Nẵng	Tầng 1, Tòa nhà FPT, Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng	94.90%	94.90%	Kinh doanh, đầu tư bất động sản; tư vấn, quản lý bất động sản
Công ty TNHH Bất động sản FPT	Tầng 1, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100.00%	100.00%	Kinh doanh, đầu tư bất động sản và cung cấp các dịch vụ cho thuê văn phòng, căn hộ và kho bãi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT	Tầng 5, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100.00%	100.00%	Sản xuất và dàn dựng các bản tin và các chương trình, giải trí; cung cấp dịch vụ viễn thông và dịch vụ quảng cáo
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học FPT	1A Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội	100.00%	100.00%	Cung cấp các dịch vụ sửa chữa, bảo hành, bảo trì cho các thiết bị điện tử, công nghệ
Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến (ii)	131 Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh	39.94%	74.08%	Cung cấp các dịch vụ trực tuyến
Công ty TNHH Phát triển Khu công nghệ cao Hoà Lạc FPT	Tầng 5, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100.00%	100.00%	Phối hợp xây dựng và vận hành Khu Công nghệ cao Hòa Lạc

- (i) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 41,62% phần vốn (31/12/2009: 41,62%) và có 41,62% quyền biểu quyết (31/12/2009: 41,62%) tại Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Tuy nhiên, Công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Như vậy, Công ty có quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Viễn thông FPT, do đó Công ty Cổ phần Viễn thông FPT được coi là công ty con.
- (ii) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 39,94% phần vốn (31/12/2009: 34,67%) tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT, trong đó lợi ích trực tiếp là 15,59% (31/12/2009: 23,33%) và lợi ích gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Viễn thông FPT là 24,34% (31/12/2009: 11,34%). Công ty Cổ phần Viễn thông FPT cũng sở hữu 59,00% (31/12/2009: 27,22%) tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT.

Trong kỳ, Công ty nhận được cổ phiếu mà không phải trả tiền do các công ty con sử dụng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (chia cổ tức bằng cổ phiếu) để tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu. Do vậy, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư vào công ty cổ phần theo hướng dẫn tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Chi tiết như sau:

Công ty con	Cổ phiếu tăng thêm
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	9,778,572
Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT	8,312,500
Công ty Cổ phần Thương mại FPT	5,700,000
	23,791,072

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	110,000,000,000	110,000,000,000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ FPT	36,300,000,000	36,300,000,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (i)	494,371,420,000	229,200,000,000
	640,671,420,000	375,500,000,000

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31/12/2010 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần	Hoạt động chính
		số hữu và biểu quyết năm giữ	
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	25%	Các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và dịch vụ lưu ký chứng khoán
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư FPT	Tầng 13, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	33%	Quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục và các dịch vụ khác
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (i)	Tầng 1-2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	16.9%	Thực hiện dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính liên quan tại Việt Nam

- (i) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 16,9% quyền biểu quyết (31/12/2009: 15,96%) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong. Công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong thông qua đại diện có vai trò chủ chốt của Công ty trong Hội đồng Quản trị của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong; do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong được coi là công ty liên kết của Công ty.

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư trái phiếu	-	495,171,113,770
Quỹ đầu tư Việt Nam (BVIM)	30,000,000,000	30,000,000,000
Quỹ đầu tư Việt Nhật	36,300,000,000	24,800,000,000
Đầu tư ủy thác vào Công ty CP Giáo dục quốc tế Việt Úc	190,000,000,000	-
Khác	363,015,583,222	3,917,852,500
	619,315,583,222	553,888,966,270

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn các cá nhân	9,881,317,102	13,898,174,411
Vay ngắn hạn công ty con	620,711,663,155	230,137,641,392
	<u>630,592,980,257</u>	<u>244,035,815,803</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2,292,172	258,482,754
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	28,622,190,824
Thuế thu nhập các nhân	509,489,424	1,923,240,620
Thuế nhà thầu	-	1,994,630
	<u>511,781,596</u>	<u>30,805,908,828</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Lãi vay	32,169,657,356	29,991,033,262
Các chi phí khác	11,455,864,645	7,182,492,458
	<u>43,625,522,001</u>	<u>37,173,525,720</u>

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	2,625,396,165	5,348,143,105
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	544,984,263	611,725,236
Phải trả tiền cổ tức	2,361,399,634	1,723,223,609
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20,620,404,720	20,545,404,720
Các khoản phải trả, phải nộp khác	44,991,008,186	1,479,704,110
	<u>71,143,192,968</u>	<u>29,708,200,780</u>

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Thể hiện giá trị trái phiếu phát hành trong năm 2009 tương đương với 1.800 lô được chào bán gồm trái phiếu xác định nghĩa vụ trả nợ đầu tiên và không có bảo đảm bằng tài sản có tổng mệnh giá bằng 1.800 tỷ VND, lãi suất 7%/năm, đáo hạn năm 2012 ("Trái phiếu") và 2.084.400 Chứng quyền. Mỗi Chứng quyền sẽ cho phép người sở hữu Chứng quyền, tùy thuộc vào một số điều kiện nhất định, được quyền mua 10 Cổ phiếu phát hành cho mỗi Chứng quyền với mức giá thỏa thuận là 920.250 VND/Chứng quyền. Ngày thực hiện Chứng quyền được quy định là ngày 9 tháng 10 năm 2011, ngày 9 tháng 10 năm 2012, ngày 9 tháng 10 năm 2013. Trái phiếu đã được bán hết tại ngày 9 tháng 10 năm 2009.

Theo Thông báo số 167/FPT-FAF ngày 30 tháng 5 năm 2010, tỷ lệ thực hiện Chứng quyền được thay đổi; do vậy, mỗi Chứng quyền sẽ cho phép người sở hữu Chứng quyền được mua 13,324 Cổ phiếu phát hành cho mỗi Chứng quyền với mức giá thỏa thuận là 920.250 VND/Chứng quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn ĐL & đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư ngày đầu năm trước	1,411,620,740,000	54,851,281,360	(1,831,500,000)	103,009,261	87,203,093,024	627,975,908,151	2,179,922,531,796
Vốn góp	26,698,930,000	-	-	-	-	-	26,698,930,000
Lợi nhuận thuần trong năm trước	-	-	-	-	-	826,801,112,824	826,801,112,824
Biến động thuần về cổ phiếu ngân quỹ	-	-	(974,050,000)	-	-	-	(974,050,000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần	-	-	-	-	-	(39,412,345,327)	(39,412,345,327)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(356,253,482,000)	(356,253,482,000)
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	2,189,861,912	2,189,861,912
Số dư đầu năm nay	1,438,319,670,000	54,851,281,360	(2,805,550,000)	103,009,261	87,203,093,024	1,061,301,055,560	2,638,972,559,205
Vốn góp	18,146,090,000	-	-	-	-	-	18,146,090,000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	339,268,989,864	339,268,989,864
Biến động thuần về cổ phiếu ngân quỹ	-	-	2,113,400,000	-	-	-	2,113,400,000
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần	-	-	-	-	-	(12,284,969,103)	(12,284,969,103)
Chia cổ tức	478,339,410,000	-	-	-	-	(671,738,268,000)	(193,398,858,000)
Số dư cuối quý này	1,934,805,170,000	54,851,281,360	(692,150,000)	103,009,261	87,203,093,024	716,546,808,321	2,792,817,211,966

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ tức

Ngày 27 tháng 3 năm 2010, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2009 đã thông qua phương án trả cổ tức bằng tiền mặt cho cả năm 2009 là 25% trên mệnh giá, phần cổ tức này đã được Công ty thực hiện chi trả trong năm 2009. Đại hội đồng Cổ đông cũng thông qua phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 3:1. Ngày 13 tháng 5 năm 2010, Công ty đã tiến hành trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông. Số cổ phiếu được phát hành thêm được niêm yết theo quyết định số 134/QĐ-SGDHCM ngày 01 tháng 07 năm 2010.

Ngày 31 tháng 08 năm 2010, Công ty đã tiến hành trả cổ tức bằng tiền mặt 6 tháng đầu năm 2010 với tỷ lệ 10% trên mệnh giá (01 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng).

Số cổ phiếu đang lưu hành

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Vốn cổ phần được duyệt	193,480,517	143,831,967
Cổ phiếu đã phát hành	193,480,517	143,831,967
Cổ phiếu phổ thông	192,978,824	142,649,197
Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	501,693	1,182,770
Cổ phiếu quỹ	(69,215)	(280,555)
Cổ phiếu phổ thông	(1,020)	
Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	(68,195)	(280,555)
Cổ phiếu đang lưu hành	193,411,302	143,551,412
Cổ phiếu phổ thông	192,977,804	142,649,197
Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	433,498	902,215

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

Các cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá 10.000 VND. Các cổ phiếu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi không được bán lại các cổ phiếu mà họ nắm giữ trong một thời gian quy định kể từ ngày phát hành.

19. DOANH THU

	<u>Từ ngày 01/01/2010</u> <u>đến ngày 31/12/2010</u>	<u>Từ ngày 01/01/2009</u> <u>đến ngày 31/12/2009</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (i)	278,861,784,462	5,741,050,911,569
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm	47,615,008,475	5,493,613,095,026
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	231,246,775,987	247,437,816,543
Các khoản giảm trừ	(67,525,485)	(864,363)
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	278,794,258,977	5,741,050,047,206

(i) Năm 2010, Công ty chuyển đổi mô hình quản trị tập đoàn, theo đó Công ty mẹ sẽ không trực tiếp nhập khẩu hàng và phân phối cho các công ty thành viên. Vì vậy doanh thu năm 2010 của Công ty không có các khoản bán hàng nhập khẩu cho các công ty thành viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	46,170,755,885	5,419,347,348,055
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	153,286,225,735	116,066,729,316
	199,456,981,620	5,535,414,077,371

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	277,035,776,959	132,791,949,569
Lãi chênh lệch tỷ giá	373,199,815	5,314,440,307
Cổ tức và lợi nhuận nhận được (i)	274,558,730,377	879,058,820,468
Khác	53,756,088,906	
	605,723,796,057	1,017,165,210,344

(i) Theo hướng dẫn tại thông tư 244/2009/TT- BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các khoản trả cổ tức bằng cổ phiếu của các công ty con không được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong năm 2010.

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	172,839,508,868	116,849,502,061
Lỗ chênh lệch tỷ giá	449,301,945	31,892,854,188
Chi phí hoạt động tài chính khác (i)	(1,475,002,837)	8,254,621,875
	171,813,807,976	156,996,978,124

(i) Chi phí hoạt động tài chính khác của kỳ hiện tại âm do hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<u>Từ ngày 01/01/2010</u> <u>đến ngày 31/12/2010</u>	<u>Từ ngày 01/01/2009</u> <u>đến ngày 31/12/2009</u>
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	733,427,821	30,810,581,611
Các thu nhập khác	1,003,091,034	5,686,024,774
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	(659,383,936)	(19,744,568,897)
Chi phí khác	(2,097,163,976)	(6,026,138,676)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	(1,020,029,057)	10,725,898,812

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	<u>Từ ngày 01/01/2010</u> <u>đến ngày 31/12/2010</u>	<u>Từ ngày 01/01/2009</u> <u>đến ngày 31/12/2009</u>
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện tại	14,214,061,013	76,508,758,777
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Ảnh hưởng của các chênh lệch tạm thời	-	10,879,177,926
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	14,214,061,013	87,387,936,703

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, chi tiết như sau:

	<u>31/12/2009</u> (Phân loại lại)	<u>31/12/2009</u> (Theo báo cáo đã kiểm toán năm 2009)
Trên báo cáo kết quả kinh doanh		
Doanh thu hoạt động tài chính	1,017,165,210,344	924,413,107,993
Chi phí tài chính	156,996,978,124	64,244,875,773
Trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	-1,022,907,492,173	-930,155,389,822
Chi phí lãi vay	116,849,502,061	24,097,399,710

Nguyễn Thành Nam
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 11 năm 2011

Nguyễn Thế Phương
Kê toán trưởng
